

## COUNT/NONCOUNT NOUNS AND ARTICLES

### Exercise 22. Looking at grammar. (Chart 11-6)

Complete the sentences with the given words. Make words plural as necessary. Choose words in parentheses as necessary. **Hoàn thành các câu sau với từ đã cho. Chuyển thành danh từ số nhiều nếu cần. Chọn từ trong ngoặc nếu cần.**

1. time It took a lot of time to write my composition.
2. time I really like that movie. I saw it three times.
3. paper Students in Professor Young's literature class have to write a lot of \_\_\_\_\_.
4. paper Students who take careful lecture notes can use a lot of \_\_\_\_\_.
5. paper The *New York Times* is ( *a*, *some* ) famous \_\_\_\_\_.
6. work Van Gogh's painting *Irises* is one of my favorite \_\_\_\_\_ of art.
7. work I have a lot of \_\_\_\_\_ to do tomorrow at my office.
8. hair Erin has straight \_\_\_\_\_, and Mariam has curly \_\_\_\_\_.
9. hair Brian has a white cat. When I stood up from Brian's sofa, my black slacks were covered with short white \_\_\_\_\_.



Danh từ đếm được	Danh từ không đếm được
Paper: tờ báo	Paper: giấy
Work: tác phẩm	Work: công việc
Hair: sợi tóc, sợi lông	Hair: mái tóc
Glass: cáy ly	Glass: thuỷ tinh, kính
Iron: bàn là	Iron: sắt
Experience: một kinh nghiệm, việc từng trải	Experience: kinh nghiệm
Chicken: con gà	Chicken: thịt gà
Light: bóng đèn	Light: ánh sáng

10. glass I wear \_\_\_\_\_ for reading.
11. glass In some countries, people use \_\_\_\_\_ for their tea; in other countries, they use cups.
12. glass Many famous paintings are covered with \_\_\_\_\_ to protect them.
13. iron \_\_\_\_\_ ( *is*, *are* ) necessary to animal and plant life.

14. iron \_\_\_\_\_ ( *is, are* ) used to make clothes look neat.

15. experience My grandfather had a lot of interesting \_\_\_\_\_ in his long career as a diplomat.

16. experience You should apply for the job at the electronics company because you have a lot of \_\_\_\_\_ in that field.

17. chicken Joe, would you like ( *a, some* ) more \_\_\_\_\_ ?

18. chicken My grandmother raises \_\_\_\_\_ in her yard.

19. light There ( *is, are* ) a lot of \_\_\_\_\_ on the ceilings of the school building.

20. light A: If you want to take a picture outside now, you'll need a flash. The \_\_\_\_\_ ( *isn't, aren't* ) good here.

B: Or, we could wait an hour. ( *It, They* ) will be brighter then.



### Exercise 23. Warm-up. (Chart 11-7)

Which of the following do you have in your kitchen? Check (✓) the items.

Bạn có những cái nào sau đây trong bếp của bạn. Đánh dấu (✓) vào những mục đó.

1. a can of tuna
2. a bag of flour
3. a jar of olive oil
4. a bottle of soda pop
5. a box of tea bags
6. a bowl of sugar



### 11-7 Using Units of Measure with Noncount Nouns

#### (Sử dụng đơn vị đo lường với danh từ không đếm được)

- (a) I had some tea.
- (b) I had **two cups of tea**.
- (c) I ate some toast.
- (d) I ate **one piece of toast**.

To mention a specific quantity of a noncount noun, speakers use units of measure such as *two cups of* or *one piece of*.

A unit of measure usually describes **the container** (*a cup of, a bowl of*), **the amount** (*a pound of, a quart of*),\* or **the shape** (*a bar of soap, a sheet of paper*).

Để nói về một lượng cụ thể của một danh từ không đếm được, người nói sử dụng đơn vị đo lường như *two cups of* hoặc *one piece of*. Một đơn vị đo lường thường diễn tả **vật chứa** (*a cup of, a bowl of*), **lượng** (*(a pound of, a quart of)*,\* hoặc **hình dáng** (*(a bar of soap, a sheet of paper)*).

\*Weight measure: **one pound** = 0.45 kilograms/kilos.

Liquid measure: **one quart** = 0.95 litres/liters; four quarts = one gallon = 3.8 litres/liters

\* Cân nặng: một pound = 0,45 kilogram.

Đo lường chất lỏng: một lít = 0,95 lít; bốn lít = một gallon = 3,8 lít.

## Exercise 24. Looking at grammar. (Chart 11-7)

What units of measure are usually used with the given nouns? More than one unit of measure can be used with some of the nouns.

Đơn vị đo lượng nào thường được sử dụng với các danh từ sau đây? Có thể có hơn một đơn vị đo lường với một số danh từ.

### Part I. At the store

bag      bottle      box      can      jar

1. a can/jar of olives

2. a box of crackers

3. a \_\_\_\_\_ of mineral water



4. a \_\_\_\_\_ of jam or jelly

5. a \_\_\_\_\_ of tuna

6. a \_\_\_\_\_ of soup

7. a \_\_\_\_\_ of sugar

8. a \_\_\_\_\_ of wine



9. a \_\_\_\_\_ of soda

10. a \_\_\_\_\_ of flour

11. a \_\_\_\_\_ of paint

12. a \_\_\_\_\_ of breakfast cereal

### Part II. In the kitchen

bowl      cup      glass      piece      slice

13. a cup/glass of green tea

14. a bowl of cereal

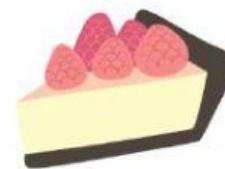
15. a \_\_\_\_\_ of candy



16. a \_\_\_\_\_ of bread



17. a \_\_\_\_\_ of cake



18. a \_\_\_\_\_ of orange juice

19. a \_\_\_\_\_ of soup

20. a \_\_\_\_\_ of pizza

## Part II. (continued)

bowl

cup

glass

piece

slice

21. a \_\_\_\_\_ of soda



22. a \_\_\_\_\_ of noodles



23. a \_\_\_\_\_ of mineral water

24. a \_\_\_\_\_ of popcorn

25. a \_\_\_\_\_ of cheese

26. a \_\_\_\_\_ of rice

27. a \_\_\_\_\_ of strawberries



28. a \_\_\_\_\_ of watermelon



## Exercise 25. Let's talk. (Chart 11-7)

You and your partner are planning a party for the class. You have already prepared most of the food, but you still need to buy a few things at the store. Decide what you'd like to get using the sentences below as your guide.

Bạn cùng một người bạn đang lên kế hoạch cho một bữa tiệc cho cả lớp. Bạn đã chuẩn bị gần hết đồ ăn, nhưng bạn vẫn cần mua một vài thứ ở cửa hàng. Quyết định bạn muốn mua gì bằng cách sử dụng các câu bên dưới làm mẫu.

### Shopping list

A: So what else do we need from the store?

B: Let's see. We need a few jars of

\_\_\_\_\_ . We should also get a box of  
\_\_\_\_\_. Oh, and a couple of bags of  
\_\_\_\_\_ .

A: Is that it? Anything else?

B: I guess a few cans of \_\_\_\_\_

would be good. I almost forgot. What should we do about drinks?



A: How about some bottles (or cans) of \_\_\_\_\_ ?

B: Good idea.

A: By the way, I thought we could serve slices of \_\_\_\_\_ . How does that sound?

B: Sure

*“Love is when he gives you a piece of your soul, that you never knew was missing.”*

*Tình yêu là khi anh ấy trao cho bạn một mảnh tâm hồn mà bạn chưa bao giờ nghĩ  
rằng mình bị thiếu.*